

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30/10/2019.

V/v: Hôn nhân gia đình.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên và ông Nguyễn Sỹ Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc Hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX- ST ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1987 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1986 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án phạt tù ở trại giam X, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Trần Thị Tr trình bày: Chị và anh Đặng Văn T kết hôn ngày 22/4/2010, trước khi cưới hai bên tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vì vợ chồng mâu thuẫn không dàn xếp được nên anh T suốt ngày đi chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng ngày càng xa lánh nhau. Đến năm 2017 anh T vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 03 năm 6 tháng tù, hiện tại anh T đang chấp hành án tại trại giam X,

huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh Đặng Văn T.

- Con chung: Vợ chồng chưa có con chung.
 - Tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.
- Ngoài ra chị không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tại bản tự khai ngày 10/9/2019 anh T trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị Tr ngày 22/4/2010, trước khi kết hôn hai bên có tình cảm và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại xã Yên Lư. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh vi phạm pháp luật nên phải đi tù. Anh xác định từ năm 2017 đến nay tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, vì thế anh không yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tr.

- Con chung: Vợ chồng chưa có con chung.
- Tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa các bên đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh T, chị Tr theo quy định của pháp luật.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Tr được ly hôn anh Đặng Văn T.

- Con chung: Không có.
- Tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía anh Đặng Văn T hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam X ở huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Anh T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án thông qua Giám thị Trại giam X. Tuy nhiên do đang chấp hành án nên anh T không thể đến Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang làm việc được. Anh T đã có đơn đề nghị vắng mặt tại các phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với anh T thông qua Giám thị trại giam X, Hải Phòng.

Phía chị Trần Thị Tr đã có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tr và anh Đặng Văn T kết hôn với nhau ngày 22/4/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ những mâu thuẫn này anh T sinh ra chán nản và dẫn đến vi phạm pháp luật. Mỗi quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng và đến năm 2017 thì vợ chồng chính thức sống ly thân với nhau. Anh T cho rằng vợ chồng vẫn sống bình thường nên anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau, bản thân chị Tr xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng anh có mâu thuẫn trong cuộc sống. Anh T hiện đang đi chấp hành án phạt tù tại trại giam X ở huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vợ chồng ngày càng xa cách và không còn quan tâm chăm sóc nhau. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần xử cho chị Trần Thị Tr được ly hôn anh Đặng Văn T.

[3] Về con chung: Hai bên đều xác định vợ chồng chưa có con chung nên không đặt thành yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị Tr và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Tr được ly hôn anh Đặng Văn T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0002922 ngày 26/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị Tr đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Y;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh

